

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG (7580201-1)
Chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp
KHÓA 2020

TT	Năm	Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số tín	Số tiết			Ghi chú
						TS	LT	TH	
		HK1			18	330	240	90	
1	1	1	BAS27001	Giải tích 1	2.0	30	30	-	
2	1	1	CON38001	Cơ học cơ sở	3.0	60	30	30	
3	1	1	ARC28002	Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	45	45	-	
4	1	1	BAS31016	Giáo dục thể chất 1	1*	30	-	30	
5	1	1	BAS21035	Vật lý đại cương	3.0	45	45	-	
6	1	1	FLI21006	Tin học đại cương	2.0	45	15	30	
7	1	1	BAS21010	Đại số tuyến tính	2.0	30	30	-	
8	1	1	POL21901	Triết học Mác - Lênin	3.0	45	45	-	
		HK2			17	315	225	90	
1	1	2	BAS28001	Giải tích 2	2.0	30	30	-	
2	1	2	CON22037	Sức bền vật liệu 1	3.0	60	30	30	
3	1	2	UIT28001	Điện kỹ thuật	2.0	30	30	-	
4	1	3	ARC23061	Cấu tạo kiến trúc	3.0	60	30	30	
5	1	2	FLI26002	Anh văn 1	3.0	45	45	-	
6	1	2	POL21902	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.0	30	30	-	
7	1	2	ECO21005	Pháp luật đại cương	2.0	30	30	-	
8	1	2	BAS31017	Giáo dục thể chất 2	1*	30	-	30	
9	1	2	BAS22050	Giáo dục QP-AN 1	3*	45*	37*	8*	
10	1	2	BAS22051	Giáo dục QP-AN 2	2*	30*	22*	8*	Học kỳ hè
11	1	2	BAS22052	Giáo dục QP-AN 3	2*	30*	14*	16*	Học kỳ hè
12	1	2	BAS22053	Giáo dục QP-AN 4	2*	60*	4*	56*	Học kỳ hè
		HK3			17.0	330.0	210.0	120.0	
1	2	3	BAS22011	Xác suất thống kê	2.0	30	30	-	
2	2	3	CON23038	Sức bền vật liệu 2	2.0	30	30	-	
3	2	3	CON23006	Cơ học kết cấu 1	3.0	60	30	30	
4	2	3	CON22050	Vật liệu xây dựng	2.0	30	30	-	
5	2	3	CON23052	TN Vật liệu xây dựng	1.0	30	-	30	
6	2	3	POL21903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	30	30	-	
7	2	3	CON22054	Tin học ứng dụng 1 (Autocad)	2.0	45	15	30	
8	2	3	FLI26003	Anh văn 2	3.0	45	45	-	
9	2	3	BAS32001	Giáo dục thể chất 3	1*	30	-	30	
		HK4			19.0	435.0	195.0	240.0	
1	2	4	CON22051	Cơ học kết cấu 2	2.0	30	30	-	
2	2	4	CON22055	Tin học ứng dụng 2 (Sap và Etap)	2.0	60	-	60	
3	2	4	ARC21901	Kiến trúc công trình	2.0	30	30	-	
4	2	4	ARC21902	ĐA. Kiến trúc công trình	1.0	30	-	30	
5	2	4	CON22056	Kết cấu BTCT	4.0	75	45	30	
6	2	4	CON21922	ĐA. Kết cấu BTCT	1.0	30	-	30	
7	2	4	UIT24008	Trắc địa	2.0	30	30	-	
8	2	4	UIT22008	Thực tập trắc địa 1	1.0	30	-	30	
9	2	4	UIT23001	Cấp thoát nước	2.0	30	30	-	
10	2	4	POL22004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	30	30	-	
11	2	4	BAS25001	Giáo dục thể chất 4	2*	60	-	60	
		HK5			19.0	405.0	165.0	240.0	
1	3	5	CON21903	Kết cấu nhà bê tông cốt thép	3.0	45	45	-	
2	3	5	CON21904	ĐA. Kết cấu nhà BTCT	2.0	60	-	60	
3	3	5	CON27002	TN và kiểm định công trình	2.0	60	-	60	
4	3	5	POL21904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.0	30	30	-	
5	3	5	BRC28001	Địa kỹ thuật	3.0	60	30	30	
6	3	5	BRC21901	TN Địa kỹ thuật	1.0	30	-	30	
7	3	5	CON21905	Kết cấu thép	3.0	60	30	30	
8	3	5	ARC24054	Dự Toán	3.0	60	30	30	
		HK6			17.0	445.0	165.0	280.0	
1	3	6	CON22113	Kết cấu nhà thép	3.0	45	45	-	
2	3	6	CON21907	ĐA. Kết cấu nhà thép	1.0	30	-	30	

TT	Năm	Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số tín	Số tiết			Ghi chú
						TS	LT	TH	
3	3	6	CON22057	Thực hành nghề nghiệp (XD)	2.0	160	-	160	
4	3	6	CON24034	Nền và móng	3.0	45	45	-	
5	3	6	CON24015	ĐA. Nền và móng	1.0	30	-	30	
6	3	6	CON23033	Máy xây dựng	2.0	30	30	-	
7	3	6	CON21909	Kỹ thuật thi công 1	3.0	45	45	-	
8	3	6	CON21910	ĐA. Kỹ thuật thi công 1	2.0	60	-	60	
		HK7			18	400	330	70	
1	4	7	FLI22004	Anh văn CN (KTH)	2.0	30	30	-	
2	4	7	CON21911	Kỹ thuật thi công 2	3.0	45	45	-	
3	4	7	CON24014	ĐA. Kỹ thuật thi công 2	1.0	30	-	30	
4	4	7	ECO21901	Pháp luật và kinh tế xây dựng	3.0	45	45	-	
5	4	7	CON22111	An toàn và môi trường trong xây dựng	2.0	30	30	-	
6	4	7	CON23039	Tham quan công trình (XD)	1.0	40	-	40	
	4	7		Tự chọn (chọn 6/22 tín chỉ)					
1	4	7	CON21913	Kết cấu BTCT ứng lực trước	2.0	30	30	-	
2	4	7	CON21914	Gia cố và sửa chữa kết cấu BTCT	2.0	30	30	-	
3	4	7	CON22058	Động lực học công trình	2.0	30	30	-	
4	4	7	BRC27009	Công trình trên nền đất yếu	2*	30	30	-	
5	4	7	BRC21902	Nền móng trong điều kiện đặc biệt	2*	30	30	-	
6	4	7	CON24021	Kết cấu BTCT đặc biệt	2*	30	30	-	
7	4	7	CON21916	Thi công nhà nhiều tầng	2*	30	30	-	
8	4	7	CON21917	Thi công công trình ngầm	2*	30	30	-	
9	4	7	CON21918	TK biện pháp thi công hố móng sâu	2*	30	30	-	
10	4	7	CON22059	Tin học ứng dụng 3 (Ms Project)	2*	45	15	30	
11	4	7	CON22060	Tin học ứng dụng 4 (BIM-XD-KC)	2*	45	15	30	
		HK8			15	622	212	410	
1	4	8	CON25048	Tổ chức thi công	3.0	45	45	-	
2	4	8	CON22061	ĐA. Tổ chức thi công	2.0	60	-	60	
3	4	8	CON22063	Thực tập tốt nghiệp	2.0	322	2	320	
4	4	8	CON22062	Chuyên đề tốt nghiệp (KS_XDDD&CN)	2.0	45	15	30	
				Tự chọn (chọn 6/18 tín chỉ)					
1	4	8	CON21912	Kết cấu nhà BTCT nhiều tầng	2.0	30	30	-	
2	4	8	ARC23041	Nguyên lý quy hoạch đô thị	2.0	30	30	-	
3	4	8	CON24047	TT CTR chịu T.trọng Đ.đất	2.0	30	30	-	
4	4	8	CON22064	Kết cấu công trình thép đặc biệt	2*	30	30	-	
5	4	8	CON21919	Quản lý chất lượng công trình	2*	30	30	-	
6	4	8	ECO26001	QL DA đầu tư xây dựng	2*	30	30	-	
7	4	8	CON21920	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	2*	30	30	-	
8	4	8	CON22112	Tin học ứng dụng 5 (BIM-XD-TC)	2*	45	15	30	
9	4	8	ECO21902	Đầu thầu và thanh quyết toán CTR	2*	45	15	30	
		HK9			10	600	0	600	
1	5	9	CON25017	Đồ án tốt nghiệp (XD)	10.0	600	-	600	
			FLI25222	Chuẩn đầu ra NN (AV3/6)	0.0	-	-	-	
			FLI21902	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)	0.0	-	-	-	
				TỔNG	150	3882	1742	2140	

BAN GIÁM ĐỐC

PHÒNG QLĐT&CTSV
đã rà soát 10-7-21

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2020
KHOA KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH